




Dell S3219D

Sổ hướng dẫn sử dụng

Mẫu màn hình: S3219D
Mẫu quy chuẩn: S3219Dc



-  **LƯU Ý: LƯU Ý** cho biết thông tin quan trọng giúp bạn sử dụng máy tính hiệu quả hơn.
-  **CHÚ Ý: LƯU Ý** cho biết thiệt hại tiềm ẩn đối với phần cứng hoặc mất dữ liệu nếu bạn không thực hiện theo các hướng dẫn.
-  **CẢNH BÁO: CẢNH BÁO** cho biết khả năng bị hư hỏng tài sản, thương tật cá nhân hoặc tử vong.

Bản quyền © 2018 Dell Inc. hoặc của các công ty con liên quan. Bảo lưu mọi bản quyền.

Dell, EMC và các thương hiệu khác là các thương hiệu của Dell Inc. hoặc của các công ty con liên quan. Các thương hiệu khác có thể là thương hiệu của các đơn vị sở hữu liên quan.

2018 – 09

Bản sửa đổi A00

Mục lục

Giới thiệu màn hình của bạn	5
Phụ kiện trọn bộ	5
Tính năng sản phẩm	7
Nhận biết các tính năng và nút điều khiển	8
Mặt trước	8
Mặt sau	9
Mặt bên cạnh	10
Mặt dưới không có giá đỡ màn hình	10
Thông số kỹ thuật của màn hình	12
Thông số kỹ thuật độ phân giải	13
Chế độ video hỗ trợ	13
Chế độ hiển thị cài sẵn	14
Thông số kỹ thuật điện	14
Đặc tính vật lý	15
Đặc tính môi trường	16
Chế độ quản lý nguồn	17
Tính năng Cắm Là Chạy	19
Chính sách chất lượng và điểm ảnh màn hình LCD	19
Hướng dẫn bảo dưỡng	19
Vệ sinh màn hình	19
Lắp đặt màn hình	20
Cắm giá đỡ	20
Kết nối màn hình của bạn	21
Kết nối cáp HDMI và cáp USB 3.0	21
Kết nối cáp DP (đặt mua riêng)	21

Bộ trí các loại cáp	22
Tháo giá đỡ	23
Giá treo tường (Tùy chọn)	25
Sử dụng màn hình	26
Bật nguồn màn hình.	26
Sử dụng các nút điều khiển mặt trước	27
Các nút điều khiển menu OSD.	28
Sử dụng menu hiển thị trên màn hình (OSD)	29
Thiết lập màn hình của bạn.	42
Cài đặt độ phân giải tối đa	42
Nếu bạn sử dụng máy tính để bàn hoặc máy tính xách tay Dell có kết nối internet	42
Nếu bạn có máy tính để bàn, máy tính xách tay hoặc card đồ họa không phải của Dell	43
Sử dụng độ nghiêng	44
Khắc phục sự cố	45
Tự kiểm tra.	45
Chẩn đoán tích hợp	46
Các sự cố thường gặp	47
Sự cố liên quan đến sản phẩm	50
Phụ lục.	51
Hướng dẫn an toàn	51
Thông báo FCC (chỉ áp dụng ở Mỹ) và thông tin quy định khác.	51
Liên hệ với Dell	51
Cách gán chấu cắm	52
Giao diện Buýt nối tiếp đa năng (USB)	54


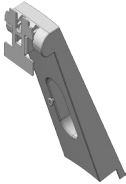
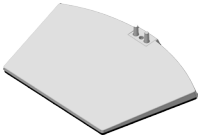




Giới thiệu màn hình của bạn


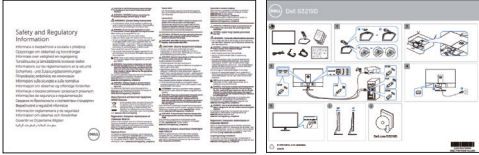
Phụ kiện trọn bộ

Màn hình của bạn được gửi cùng với các linh kiện như trình bày trong bảng. Đảm bảo bạn đã nhận tất cả các linh kiện và xem [Liên hệ với Dell](#) nếu thiếu bất kỳ linh kiện nào.

LƯU Ý: Để thiết lập với bất kỳ giá đỡ nào khác, xem tài liệu hướng dẫn được gửi kèm theo giá đỡ.

	Màn hình (có nắp đậy VESA đã gắn vào)
	Giá đỡ
	Chân đế
	Cáp nguồn (khác nhau tùy theo mỗi quốc gia)
	Cáp HDMI 1.4



	<p>Cáp USB 3.0 upstream</p>
	<ul style="list-style-type: none"> • Hướng dẫn cài đặt nhanh • Thông tin an toàn và quy định



Tính năng sản phẩm

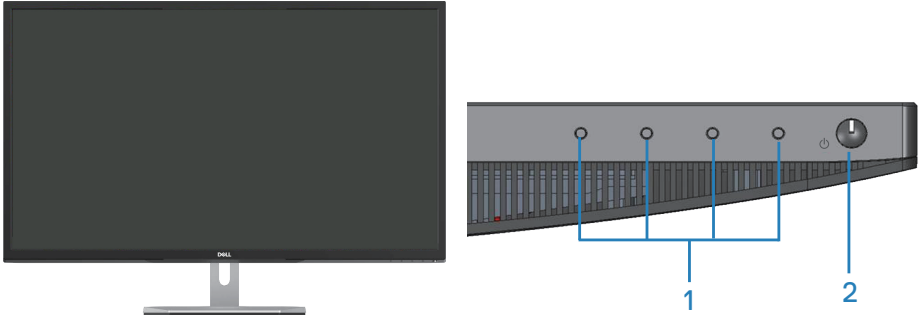
Màn hình Dell S3219D tích hợp một màn hình tinh thể lỏng (LCD) ma trận hoạt động với tranzito màng mỏng (TFT), tính năng chống tĩnh điện và đèn nền LED. Các tính năng màn hình bao gồm:

- hiển thị vùng xem 81,28 cm (32 inch) (đo theo đường chéo). Độ phân giải 2560 x 1440 với khả năng hỗ trợ toàn màn hình cho độ phân giải thấp hơn.
- Các màn hình Dell với tùy chọn đồng bộ thích ứng có thể lựa chọn (AMD FreeSync hoặc No Sync), tốc độ làm mới cao và thời gian phản hồi nhanh 5 ms (mili giây).
- Kết nối kỹ thuật số với cổng cắm DisplayPort và HDMI.
- Trang bị 1 cổng USB lắp vào máy tính và 2 cổng USB nối vào thiết bị cá nhân.
- Tích hợp tính năng Plug and play (Cắm Là Chạy) nếu được hỗ trợ bởi máy tính.
Hỗ trợ công nghệ Freesync 48 Hz - 75 Hz.
- Điều chỉnh menu Hiển Thị Trên Màn Hình (OSD) để dễ dàng cài đặt và tối ưu hóa màn hình.
- Giá đỡ rời và lỗ lắp giá treo 100mm tương thích chuẩn Hiệp Hội Tiêu Chuẩn Điện Tử Video (VESA™) cho các giải pháp lắp đặt linh động.
- Tính năng tiết kiệm năng lượng tương thích chuẩn Energy Star.
- Khe khóa an toàn.
- Màn hình được chứng nhận TCO.
- Giảm sử dụng BFR/PVC (các bảng mạch được chế tạo từ tấm mỏng không chứa BFR/PVC).
- Mặt kính không chứa asen lẫn thủy ngân chỉ dùng cho bảng điều khiển.
- Tỷ lệ tương phản động cao (8.000.000:1).
- Nguồn điện chờ 0,3 W khi ở chế độ chờ.
- Kèm theo Phần Mềm Quản Lý Màn Hình Dell.
- Phần mềm Energy Gauge hiển thị mức điện năng đang được tiêu thụ bởi màn hình trong thời gian thực.
- Tối ưu hóa sự thoải mái của mắt nhờ màn hình chống nháy và tính năng ComfortView - vốn giúp giảm thiểu phát xạ ánh sáng xanh.
- 2 loa tích hợp (5 W)



Nhận biết các tính năng và nút điều khiển

Mặt trước



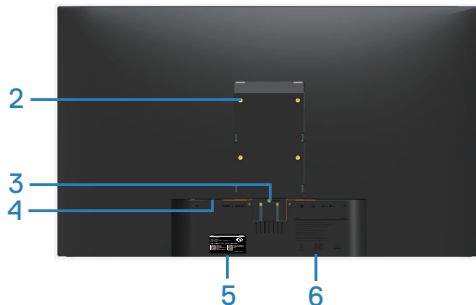
Nhãn	Mô tả	Sử dụng
1	Các nút chức năng	Để truy cập menu OSD và thay đổi các cài đặt nếu yêu cầu. (Để biết thêm chi tiết, xem Sử dụng các nút điều khiển mặt trước)
2	Nút (Bật/Tắt) nguồn	Để bật và tắt màn hình.



Mặt sau



Có giá đỡ màn hình



Không giá đỡ màn hình

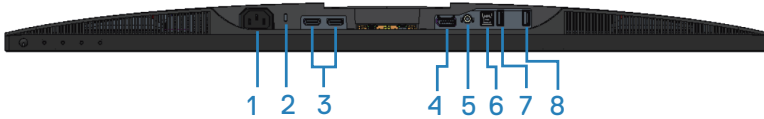
Nhãn	Mô tả	Sử dụng
1	Khe cắm quản lý cáp	Để sắp xếp các loại cáp bằng bố trí chúng qua khe.
2	Lỗ lắp giá treo VESA (ở phía sau nắp VESA)	Lỗ lắp giá treo VESA (100mm x 100mm) Dùng để gắn màn hình lên tường bằng bộ giá treo tương thích chuẩn VESA.
3	Nút nhả giá đỡ	Nhả giá đỡ ra khỏi màn hình.
4	Khe khóa an toàn	Siết chặt màn hình bằng khóa an toàn (Cần mua riêng).
5	Nhãn quy định (bao gồm số seri kèm Mã vạch và Nhãn thẻ bảo trì)	Liệt kê các thông số chấp nhận theo quy định. Tham khảo nhãn này nếu bạn cần liên hệ với Dell để được hỗ trợ kỹ thuật. Thẻ dịch vụ là mã nhận dạng chữ số duy nhất cho phép kỹ thuật viên dịch vụ của Dell xác định các thành phần phần cứng trong máy tính của bạn và truy cập thông tin bảo hành.
6	Thông tin quy định được khắc	Liệt kê các thông số chấp nhận theo quy định.



Mặt bên cạnh




Mặt dưới không có giá đỡ màn hình



Mặt dưới không có giá đỡ màn hình

Nhãn	Mô tả	Sử dụng
1	Giắc cắm điện	Để kết nối cáp nguồn (được gửi kèm theo màn hình của bạn)
2	Khe khóa an toàn	Bảo vệ màn hình của bạn bằng khóa an toàn (mua riêng) để tránh di chuyển trái phép màn hình.
3	Cổng HDMI	Để kết nối máy tính của bạn qua cáp HDMI.
4	Cổng DisplayPort 1.2	Để kết nối máy tính của bạn qua cáp DisplayPort.
5	Cổng ra âm thanh	Để kết nối các loa hoạt động bên ngoài hoặc loa trầm phụ (cần mua riêng).
6	Các cổng USB upstream	Để kết nối máy tính của bạn qua cáp USB.



7	Cổng xuôi dòng USB	<p>Kết nối các thiết bị ngoại vi USB của bạn như thiết bị lưu trữ và máy in.</p> <p> LƯU Ý: Để sử dụng cổng này, bạn phải kết nối cáp USB (được gửi kèm theo màn hình) từ cổng USB-upstream trên màn hình và với máy tính.</p>
8	Cổng sạc USB BC1.2	Kết nối để sạc thiết bị USB.



Thông số kỹ thuật của màn hình

Mẫu	S3219D
Loại màn hình	Màn hình LCD TFT ma trận hoạt động
Loại tấm nền	Góc rộng VA
Hình có thể xem	
Nghiêng	812,80 mm (32 inch)
Vùng hoạt động ngang	708,48 mm (27,89 inch)
Vùng hoạt động dọc	398,52 mm (15,69 inch)
Vùng	2823,43 cm ² (437,59 inch ²)
Tốc độ làm mới (Góc)	2560 x 1440 ở tần số 60 Hz (HDMI/DP)
Khoảng cách giữa các điểm ảnh	0,27675 mm
Pixel/inch (PPI)	91
Góc xem	
Ngang	178° (chuẩn)
Dọc	178° (chuẩn)
Brightness (Độ sáng)	300 cd/m ² (chuẩn)
Tỷ lệ tương phản	3000:1 (chuẩn) 8.000.000:1 (Độ tương phản động)
Lớp phủ bề mặt	Ít sương mù với lớp phủ cứng 3H
Đèn nền	Hệ thống đèn LED viền
Thời gian đáp ứng	5 ms GTG
Độ sâu màu	1,07 tỷ màu
Gam màu	sRGB 99%
Độ tương thích quản lý màn hình Dell	Có
Kết nối	Hai cổng HDMI 1.4 (2560 x 1440, 60 Hz) Một cổng DisplayPort 1.2 (2560 x 1440, 60 Hz)
FreeSync	Có



Độ rộng viền (từ mép màn hình đến vùng hoạt động)	14,0 mm (Phía trên) 13,9 mm (Bên trái/phải) 17,1 mm (Phía dưới)
Độ an toàn	Khe cắm khóa an toàn (khóa cáp đặt mua riêng)
Khả năng điều chỉnh	Độ nghiêng (5°/11°)

Thông số kỹ thuật độ phân giải

Mẫu	S3219D
Dải quét ngang	30 kHz - 114 kHz (tự động)
Dải quét dọc	48 Hz - 75 Hz (tự động)
Độ phân giải cài sẵn tối đa	2560 x 1440 ở tần số 60 Hz (Gốc; 10-bit) 2560 x 1440 ở tần số 75 Hz (Tối đa; 8-bit)

Chế độ video hỗ trợ


Mẫu	S3219D
Khả năng hiển thị video (HDMI)	480p, 576p, 720p, 1080p, 1080i, QHD: 2560x1440



Chế độ hiển thị cài sẵn

Chế độ hiển thị	Tần số quét ngang (kHz)	Tần số quét dọc (Hz)	Đồng hồ điểm ảnh (MHz)	Cực đồng bộ (Ngang/Dọc)
VESA, 720 x 400	31,5	70,1	28,3	-/+
VESA, 640 x 480	31,5	59,9	25,2	-/-
VESA, 640 x 480	37,5	75,0	31,5	-/-
VESA, 800 x 600	37,9	60,3	40,0	+/+
VESA, 800 x 600	46,9	75,0	49,5	+/+
VESA, 1024 x 768	48,4	60,0	65,0	-/-
VESA, 1024 x 768	60,0	75,0	78,8	+/+
VESA, 1152 x 864	67,5	75,0	108,0	+/+
VESA, 1280 x 768	47,8	59,9	79,5	-/+
VESA, 1280 x 1024	64,0	60,0	108,0	+/+
VESA, 1280 x 1024	79,9	75,0	135,0	+/+
VESA, 1600 x 1200	75,0	60,0	162,0	+/+
VESA, 1680 x 1050	65,3	60,0	146,3	-/+
VESA, 1920 x 1080	67,5	60,0	148,5	+/+
VESA, 1920 x 1200	74,6	59,9	193,3	-/+
VESA, 2048 x 1080	66,6	60,0	147,2	+/-
VESA, 2560 x 1440	88,8	60,0	241,5	+/-
VESA, 2560 x 1440	122,2	75,0	296,8	+/-

Thông số kỹ thuật điện

Mẫu	S3219D
Tín hiệu đầu vào video	HDMI (HDCP), 600 mV cho từng đường truyền khác biệt, trở kháng đầu vào 100 ohm trên mỗi cặp khác biệt Cổng DisplayPort 1.2, 600 mV cho từng dòng khác biệt, trở kháng đầu vào 100 ohm trên mỗi cặp khác biệt
Điện áp/tần số/dòng điện đầu vào AC	100VAC đến 240VAC / 50Hz hoặc 60Hz ± 3Hz / 1,5 A  LƯU Ý: Dòng điện đầu vào AC cần dùng là 1,5 A (chuẩn).
Dòng điện khởi động	Không có thiệt hại khi lạnh bắt đầu ở mức 100 VAC~240 VAC



Đặc tính vật lý

Mẫu	S3219D
Loại cáp tín hiệu	Kỹ thuật số:có thể tháo rời, HDMI, 19 chấu
Độ bóng ở khung mặt trước (Tối thiểu)	85 đơn vị độ bóng ở khung mặt sau
Kích thước (có giá đỡ)	
Chiều cao	523,2 mm (20,60 inch)
Chiều rộng	737,9 mm (29,05 inch)
Độ dày	197,7 mm (7,78 inch)
Kích thước (không có giá đỡ)	
Chiều cao	436,3 mm (17,18 inch)
Chiều rộng	737,9 mm (29,05 inch)
Độ dày	47,3 mm (1,86 inch)
Kích thước giá đỡ	
Chiều cao	195,5 mm (7,70 inch)
Chiều rộng	257,3 mm (10,13 inch)
Độ dày	197,7 mm (7,78 inch)
Trọng lượng	
Trọng lượng có thùng đựng	14,34 kg (31,61 lb)
Trọng lượng có kèm bộ phận giá đỡ và các loại cáp	10,13 kg (22,33 lb)
Trọng lượng không có bộ phận giá đỡ (không cáp)	7,65 kg (16,86 lb)
Trọng lượng của bộ phận giá đỡ	2,12 kg (4,67 lb)



Đặc tính môi trường

Mẫu	S3219D
Nhiệt độ	
Sử dụng	0°C - 40°C (32°F - 104°F)
Không sử dụng	<ul style="list-style-type: none">• Bảo quản: -20°C - 60°C (-4°F - 140°F)• Vận chuyển: -20°C - 60°C (-4°F - 140°F)
Độ ẩm	
Sử dụng	10% đến 80% (không ngưng tụ)
Không sử dụng	<ul style="list-style-type: none">• Bảo quản ở mức 5% đến 90% (không ngưng tụ)• Vận chuyển ở mức 5% đến 90% (không ngưng tụ)
Độ cao	
Sử dụng (tối đa)	5.000 m (16.400 ft)
Không sử dụng (tối đa)	12.192 m (40.000 ft)
Công suất tản nhiệt	<ul style="list-style-type: none">• 273,04 đơn vị nhiệt Anh (BTU)/giờ (tối đa)• 136,52 đơn vị nhiệt Anh (BTU)/giờ (chuẩn)



Chế độ quản lý nguồn

Nếu bạn đã lắp đặt card đồ họa hoặc phần mềm tuân thủ DPM của VESA trên máy tính, màn hình có thể tự động giảm mức tiêu thụ điện khi không sử dụng. Điều này được đề cập như là chế độ tiết kiệm điện*. Nếu máy tính phát hiện đầu vào từ bàn phím, chuột hoặc các thiết bị đầu vào khác, màn hình sẽ tự hoạt động trở lại. Bảng sau đây cho biết mức tiêu thụ điện và cách truyền tín hiệu của tính năng tiết kiệm điện tự động này.

* Chỉ có thể đạt mức tiêu thụ điện bằng 0 ở chế độ tắt khi rút cáp nguồn ra khỏi màn hình.

Chế độ VESA	Đồng bộ ngang	Đồng bộ dọc	Video	Đèn báo nguồn	Mức tiêu thụ điện
Hoạt động bình thường	Hoạt động	Hoạt động	Hoạt động	Trắng	80 W (tối đa) 40 W (chuẩn)
Chế độ hoạt động tắt	Không hoạt động	Không hoạt động	Để trống	Trắng (Sáng rực)	Dưới 0,3 W
Tắt	-	-	-	Tắt	Dưới 0,3 W

Energy Star	Mức tiêu thụ điện
P_{ON}	35 W
E_{TEC}	109 Kw/giờ

LƯU Ý:

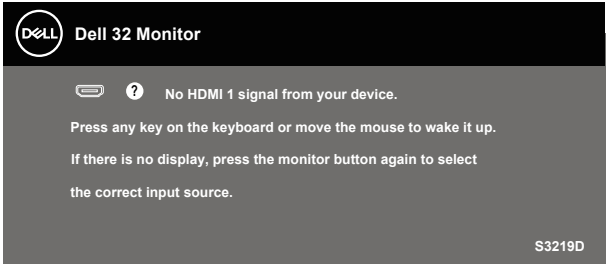
P_{ON} : Mức tiêu thụ điện của chế độ bật như quy định trong phiên bản Energy Star 7.0.

E_{TEC} : Tổng mức tiêu thụ điện bằng KW/giờ như quy định trong phiên bản Energy Star 7.0.

Tài liệu này chỉ cung cấp thông tin và phản ánh hiệu suất hoạt động ở phòng thí nghiệm. Sản phẩm có thể hoạt động khác nhau, tùy thuộc vào phần mềm, các linh kiện và thiết bị ngoại vi mà quý khách đã đặt mua và chúng tôi không có trách nhiệm phải cập nhật thông tin này. Do đó, quý khách không nên dựa vào thông tin này để đưa ra các quyết định về độ dung sai điện hoặc bằng cách khác. Không có bảo đảm về độ chính xác hoặc sự hoàn chỉnh của sản phẩm được nêu rõ hay ngụ ý.



Menu OSD chỉ hoạt động ở chế độ hoạt động bình thường. Khi nhấn bất cứ nút nào ở chế độ Tắt hoạt động, một trong các thông báo sau đây sẽ hiển thị:



Kích hoạt máy tính và màn hình để truy cập menu OSD.

 **LƯU Ý: Màn hình này được chứng nhận tuân thủ chuẩn ENERGY STAR.**



Tính năng Cắm Là Chạy



Bạn có thể lắp đặt màn hình vào bất kỳ hệ thống nào tương thích với chuẩn Cắm Là Chạy (Plug and Play). Màn hình tự động cung cấp cho hệ thống máy tính Dữ Liệu Nhận Dạng Màn Hình Mở Rộng (EDID) liên quan qua các giao thức Kênh Dữ Liệu Hiển Thị (DDC) để hệ thống có thể tự định cấu hình và tối ưu hóa các cài đặt màn hình. Phần lớn các cài đặt màn hình đều là tự động, bạn có thể chọn các cài đặt khác nếu muốn. Để biết thêm thông tin về cách đổi cài đặt màn hình, xem [Sử dụng màn hình](#).

Chính sách chất lượng và điểm ảnh màn hình LCD

Trong quá trình sản xuất màn hình LCD, không hiếm khi gặp tình trạng một hoặc nhiều điểm ảnh trở nên cố định ở một trạng thái không thay đổi vốn rất khó nhận biết và không ảnh hưởng đến chất lượng hiển thị hoặc khả năng sử dụng màn hình. Để biết thêm thông tin về Chính Sách Chất Lượng và Điểm Ảnh Màn Hình Dell, xem trang Hỗ trợ Dell tại: www.dell.com/support/monitors.

Hướng dẫn bảo dưỡng

Vệ sinh màn hình

-  **CẢNH BÁO:** Trước khi vệ sinh màn hình, hãy rút cáp nguồn màn hình ra khỏi ổ cắm điện.
-  **CHÚ Ý:** Đọc và thực hiện theo [Hướng dẫn an toàn](#) trước khi vệ sinh màn hình.



Để có thông lệ thực hành tốt nhất, thực hiện theo các hướng dẫn trong danh sách dưới đây khi mở thùng đựng, vệ sinh hay cầm nắm màn hình của bạn:

- Để lau màn hình, thấm một ít nước vào khăn mềm sạch. Nếu có thể, hãy dùng giấy lụa hoặc dung dịch vệ sinh màn hình chuyên dụng để lau lớp phủ khử tĩnh điện. Không sử dụng benzen, chất pha loãng, amoniac, chất tẩy ăn mòn hoặc khí nén.
- Dùng khăn hơi ẩm để lau sạch màn hình. Tránh sử dụng bất kỳ loại chất tẩy rửa nào vì một số chất tẩy rửa sẽ để lại lớp màng đục trên màn hình.
- Nếu bạn nhìn thấy chất bột trắng khi mở thùng đựng màn hình, hãy dùng khăn lau sạch.
- Cầm màn hình cẩn thận vì màn hình màu đen có thể bị trầy xước và hiện ra các vết xước trắng.
- Để giúp màn hình duy trì chất lượng hình ảnh tối ưu nhất, hãy sử dụng chế độ bảo vệ màn hình tự động thay đổi và tắt nguồn màn hình khi không sử dụng.



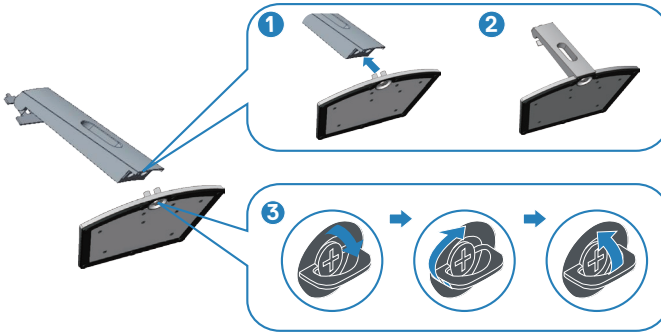
Lắp đặt màn hình

Cắm giá đỡ

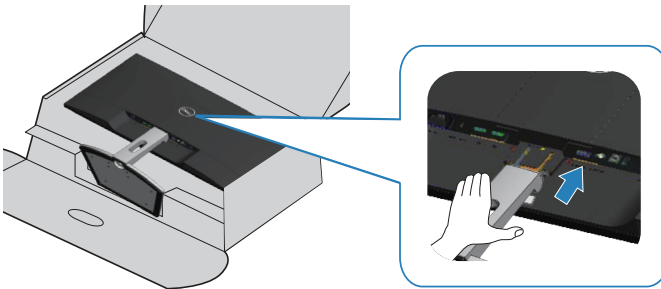
-  **LƯU Ý:** Giá đỡ được tháo ra khi vận chuyển màn hình từ nhà máy.
-  **LƯU Ý:** Có thể áp dụng quy trình sau cho giá đỡ gửi kèm màn hình. Nếu bạn đang kết nối chân đế của bên thứ ba, hãy tham khảo tài liệu gửi kèm chân đế.

Để lắp giá đỡ màn hình:

- Thực hiện theo các hướng dẫn trên nắp đậy thùng các tông để tháo giá đỡ khỏi miếng xốp giữ chặt phía trên.
- Kết nối giá đỡ với chân đế rồi siết chặt vít trên chân đế.



- Căn chỉnh khung giá đỡ với các rãnh ở mặt sau màn hình.
- Trượt phần giá đỡ cho đến khi nó lắp khít đúng vị trí.



- Đặt màn hình thẳng đứng.



Kết nối màn hình của bạn

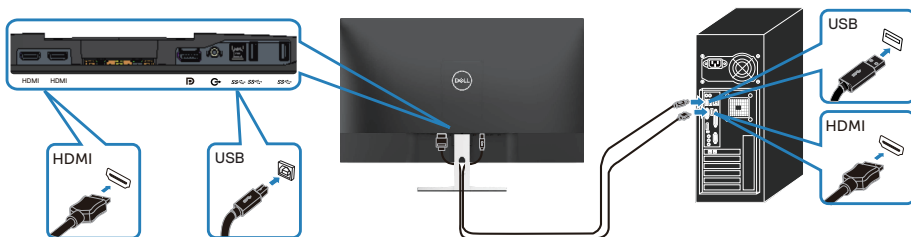
⚠ CẢNH BÁO: Trước khi bạn bắt đầu bất cứ quy trình nào trong phần này, hãy làm theo [Hướng dẫn an toàn](#).

📌 LƯU Ý: Không được cắm mọi loại cáp vào máy tính cùng một lúc. Bạn nên bố trí các loại cáp qua khe quản lý cáp trước khi kết nối chúng với màn hình.

Để kết nối màn hình với máy vi tính:

1. Tắt máy tính và rút cáp nguồn.
2. Kết nối cáp HDMI hoặc cáp DisplayPort từ màn hình với PC.

Kết nối cáp HDMI 1.4 và cáp USB 3.0



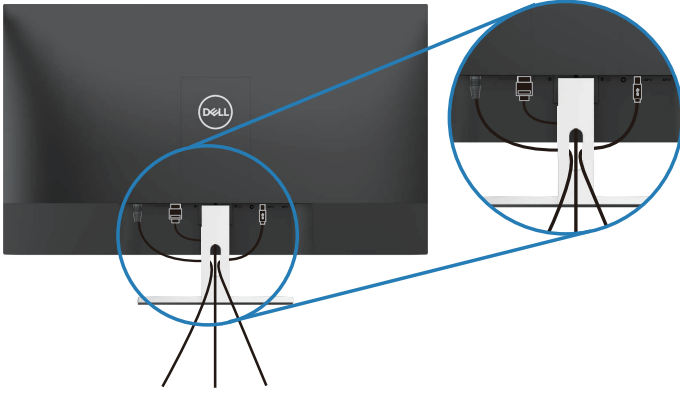
1. Kết nối cổng ngược dòng USB 3.0 (cáp gửi kèm màn hình) với cổng USB 3.0 phù hợp trên PC. (Xem [Mặt dưới không có giá đỡ màn hình](#) để biết thêm chi tiết.)
2. Kết nối các thiết bị ngoại vi USB 3.0 với các cổng USB 3.0 xuôi dòng trên màn hình.
3. Cắm cáp nguồn của PC và màn hình vào ổ cắm điện gần đó.

Kết nối cáp DP 1.2 (đặt mua riêng)





Bộ trí các loại cáp

Sử dụng khe quản lý cáp để sắp xếp cáp cắm vào màn hình.



Tháo giá đỡ

-  **LƯU Ý:** Để tránh cho màn hình khỏi bị trầy xước khi tháo giá đỡ, đảm bảo đặt màn hình trên bề mặt mềm và sạch sẽ.
-  **LƯU Ý:** Chỉ áp dụng quy trình sau cho giá đỡ gửi kèm màn hình. Nếu bạn đang kết nối chân đế của bên thứ ba, hãy tham khảo tài liệu gửi kèm chân đế.

Để tháo giá đỡ:

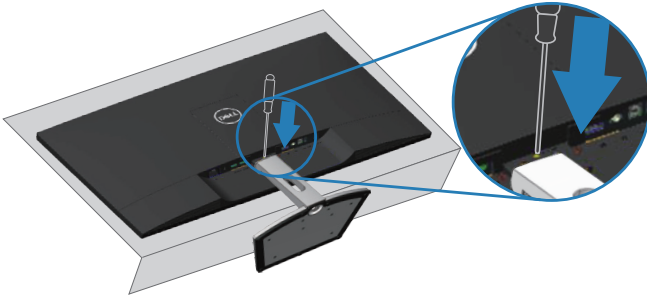
1. Đặt màn hình lên khăn mềm hoặc nệm lót trải bàn.



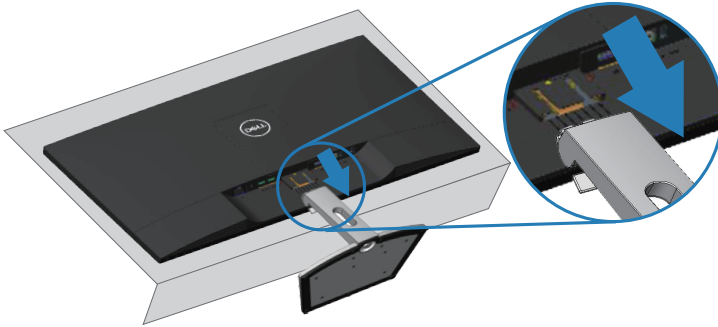
2. Nghiêng giá đỡ hướng xuống để tiếp cận nút nhỏ.



3. Sử dụng tua vít dài để ấn lên nút nhỏ.



4. Trong khi ấn lên nút nhỏ, hãy kéo giá đỡ ra.



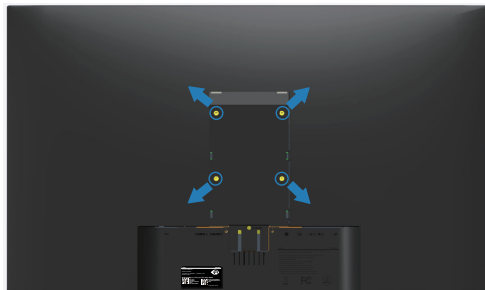
Giá treo tường (Tùy chọn)


Tham khảo các hướng dẫn kèm theo bộ giá đỡ tương thích VESA. (Kích thước vít: M4 x 10 mm)

1. Đặt màn hình lên khăn mềm hoặc nệm lót trên bàn phẳng ổn định.
2. Tháo giá đỡ.
3. Tháo nắp đậy VESA.



4. Dùng tua vít tháo bốn vít siết chặt nắp nhựa.
5. Gắn giá treo từ bộ giá treo tường vào màn hình LCD.
6. Gắn màn hình LCD lên tường bằng cách thực hiện theo các hướng dẫn kèm theo bộ giá đỡ.




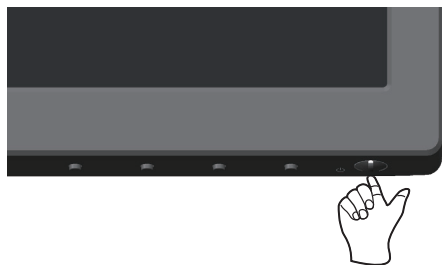
 **LƯU Ý: Để sử dụng giá treo tường tuân thủ UI với trọng lượng/khả năng chịu tải tối thiểu là 30,32 kg.**



Sử dụng màn hình

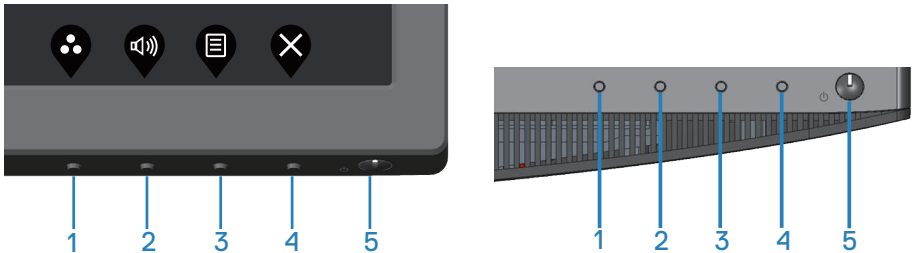
Bật nguồn màn hình

Nhấn nút  để bật màn hình.








Sử dụng các nút điều khiển mặt trước

Sử dụng các nút điều khiển ở viền dưới màn hình để chỉnh hình ảnh đang hiển thị.



Các nút điều khiển

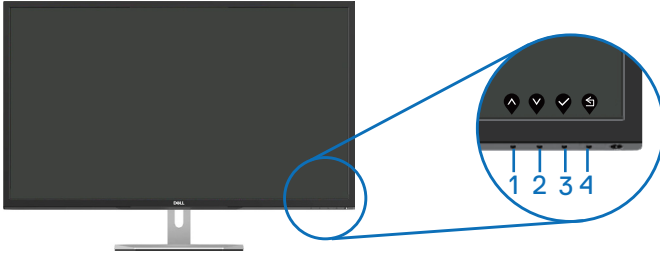
Bảng sau đây mô tả các nút điều khiển:





Các nút điều khiển	Mô tả
1  Preset Modes (Chế độ cài sẵn)	Dùng nút này để chọn từ danh sách chế độ cài sẵn.
2  Input Source (Nguồn vào)	Sử dụng các nút để chỉnh âm lượng. Tối thiểu là '0' (-). Tối đa là '100' (+).
3  Menu	Sử dụng nút Menu để khởi chạy menu Hiển thị Trên Màn hình (OSD) và chọn menu OSD. Xem Truy cập menu OSD .
4  Thoát	Để thoát hoặc trở về menu OSD chính.
5  Nút bật/tắt nguồn (kèm theo đèn trạng thái nguồn)	Dùng nút Power (Nguồn) để On (Bật) và Off (Tắt) màn hình. Đèn trắng một màu cho biết màn hình đang Bật và hoạt động đầy đủ. Đèn trắng nhấp nháy cho biết chế độ tiết kiệm điện.



Các nút điều khiển menu OSD

Dùng các nút ở phía dưới màn hình để chỉnh cài đặt hình ảnh.



	Các nút điều khiển	Mô tả
1	 Lên	Dùng nút Lên để tăng các giá trị hoặc chuyển lên trong một menu.
2	 Xuống	Dùng nút Xuống để giảm các giá trị hoặc chuyển xuống trong một menu.
3	 OK	Dùng nút OK để xác nhận lựa chọn của bạn trong một menu.
4	 Trở về	Dùng nút Quay trở lại để quay trở lại trình đơn hiển thị trước.



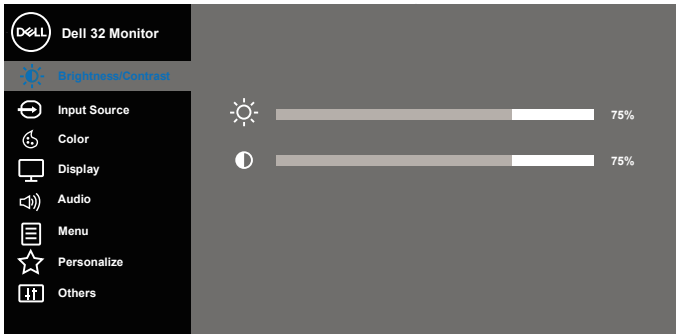
Sử dụng menu hiển thị trên màn hình (OSD)










Truy cập menu OSD

LƯU Ý: Mọi thay đổi bạn thực hiện sẽ được lưu lại tự động khi bạn chuyển sang một menu khác, thoát menu OSD hoặc đợi menu OSD đóng tự động.


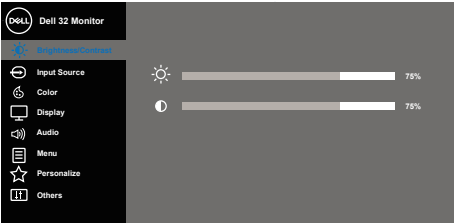








1. Nhấn nút  để hiển thị menu chính OSD.

Menu chính cho đầu vào HDMI



2. Nhấn nút  và  để chuyển giữa các tùy chọn cài đặt. Khi bạn chuyển từ biểu tượng này sang biểu tượng khác, tên tùy chọn sẽ được bôi đậm. Xem bảng sau để biết danh sách hoàn chỉnh của tất cả tùy chọn có sẵn cho màn hình.
3. Nhấn nút  một lần để kích hoạt tùy chọn vừa tô sáng.
4. Nhấn nút  và  để chọn thông số mong muốn.
5. Nhấn  và sau đó sử dụng các nút  và , theo chỉ báo trên menu để thực hiện các thay đổi.
6. Chọn nút  để trở về menu chính.



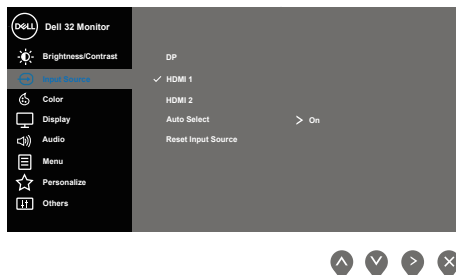
Biểu tượng	Menu và Menu phụ	Mô tả
	Brightness/ Contrast (Độ sáng/ Độ tương phản)	<p>Sử dụng menu này để điều chỉnh cài đặt độ sáng/ độ tương phản.</p>  <p style="text-align: right;">     </p>
	Brightness (Độ sáng)	<p>Độ sáng cho phép chỉnh độ sáng của đèn nền. Nhấn nút  để tăng độ sáng và nhấn nút  để giảm độ sáng (tối thiểu 0/tối đa 100).</p> <p>LƯU Ý: Tùy chọn chỉnh thủ công cho Độ sáng sẽ bị tắt khi chuyển Độ tương phản động sang Bật.</p>
	Contrast (Độ tương phản)	<p>Chỉnh Độ sáng trước rồi chỉnh Độ tương phản chỉ khi cần phải chỉnh thêm.</p> <p>Nhấn nút  để tăng độ tương phản và nhấn nút  để giảm độ tương phản (tối thiểu 0/tối đa 100). Chức năng Contrast (Độ tương phản) sẽ chỉnh mức độ khác biệt giữa mức sáng và mức tối trên màn hình.</p>






Input Source (Nguồn vào)

Dùng menu Nguồn vào để chọn giữa các tín hiệu video khác nhau có thể được kết nối với màn hình của bạn.



DP

Chọn đầu vào DP khi bạn đang sử dụng đầu cắm DP. Nhấn  để chọn nguồn vào DP.

HDMI 1

Chọn đầu vào HDMI 1 khi bạn đang dùng cổng cắm HDMI 1. Nhấn  để chọn nguồn vào HDMI 1.

HDMI 2

Chọn đầu vào HDMI 2 khi bạn đang dùng cổng cắm HDMI 2. Nhấn  để chọn nguồn vào HDMI 2.

Auto Select (Chọn tự động)

Chọn tự động để tìm các tín hiệu đầu vào khả dụng.

Reset Input Source (Cài lại đầu vào)

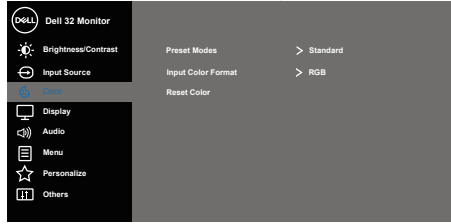
Chọn tùy chọn này để phục hồi nguồn vào mặc định.





Color (Màu sắc)



Dùng Màu sắc để chỉnh chế độ cài đặt màu.

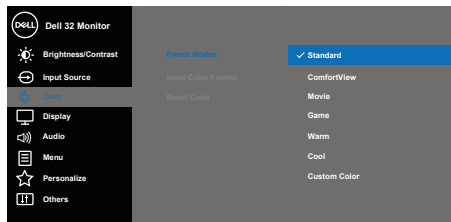


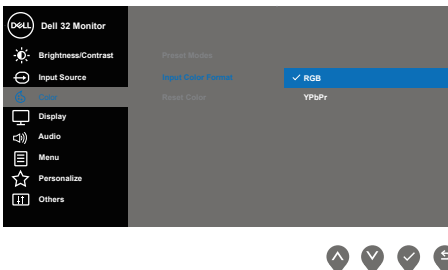








Preset Modes (Chế độ cài sẵn)

Khi chọn preset modes (chế độ cài sẵn), bạn có thể chọn Standard (Chuẩn), ComfortView, Movie (Phim), Game (Trò chơi), Warm (Nóng), Cool (Nguội) hoặc Custom Color (Màu tùy chỉnh) từ danh sách.


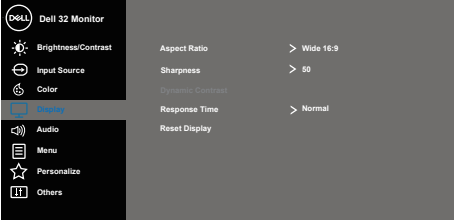







- **Standard (Chuẩn):** Nạp các cài đặt màu mặc định của màn hình. Đây là chế độ cài sẵn mặc định.
- **ComfortView:** Giảm mức ánh sáng xanh phát ra từ màn hình để giúp mắt của bạn xem thoải mái hơn.
- **Movie (Phim):** Nạp cài đặt màu sắc lý tưởng để xem phim.
- **Game (Trò chơi):** Nạp cài đặt màu sắc lý tưởng cho hầu hết các ứng dụng chơi game.
- **Warm (Nóng):** Tăng nhiệt độ màu. Màn hình hiển thị nóng hơn với sắc đỏ/vàng.
- **Cool (Nguội):** Giảm nhiệt độ màu. Màn hình hiển thị nguội hơn với sắc xanh lam.
- **Custom Color (Màu tùy chỉnh):** Cho phép bạn chỉnh thủ công các cài đặt màu sắc.

Nhấn các nút  và  để điều chỉnh ba màu sắc (Đỏ, Lục, Lam) và tạo chế độ màu cài sẵn riêng cho bạn.




<p>Input Color Format (Định dạng màu sắc đầu vào)</p>	<p>Cho phép bạn cài chế độ đầu vào video sang:</p> <ul style="list-style-type: none"> • RGB: Chọn tùy chọn này nếu màn hình của bạn được kết nối với máy tính hoặc đầu đĩa DVD bằng cáp HDMI. • YPbPr: Chọn tùy chọn này nếu đầu đĩa DVD của bạn chỉ hỗ trợ đầu ra YPbPr.  <p>The screenshot shows the 'Input Source' menu with 'RGB' selected. Other options include 'YPbPr'. The left sidebar lists other menu items: Brightness/Contrast, Display, Audio, Menu, Personalize, and Others.</p>
<p>Hue (Tông màu)</p>	<p>Tính năng này có thể chuyển màu hình ảnh video sang màu lục hoặc màu tím. Tùy chọn này dùng để chỉnh màu đa mong muốn. Sử dụng  hoặc  để điều chỉnh tông màu từ 0 - 100.</p> <p>Nhấn  để tăng hình dạng xanh lục của hình video.</p> <p>Nhấn  để tăng hình dạng màu tím của hình video.</p> <p>LƯU Ý: Điều chỉnh Hue (Tông màu) chỉ có sẵn khi bạn chọn chế độ cài sẵn Movie (Phim) hoặc Game (Trò chơi).</p>
<p>Saturation (Độ bão hòa)</p>	<p>Tính năng này có thể chỉnh độ bão hòa màu sắc của hình video. Sử dụng  hoặc  để điều chỉnh độ bão hòa từ 0 - 100.</p> <p>Nhấn  để tăng hình dạng đơn sắc của hình ảnh video.</p> <p>Nhấn  để tăng hình dạng đa màu sắc của hình ảnh video.</p> <p>LƯU Ý: Điều chỉnh Saturation (Độ bão hòa) chỉ có sẵn khi bạn chọn chế độ cài sẵn Movie (Phim) hoặc Game (Trò chơi).</p>
<p>Reset Color (Cài lại màu)</p>	<p>Thiết lập các cài đặt màu màn hình về giá trị mặc định gốc.</p>


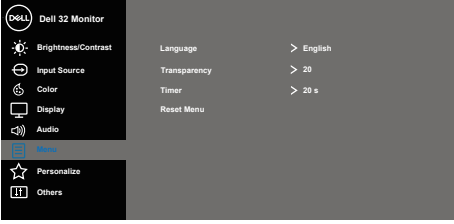






	<p>Display (Hiển thị)</p>	<p>Sử dụng Display (Hiển thị) để chỉnh hình.</p>  <p style="text-align: right;">     </p>
	<p>Aspect Ratio (Tỷ lệ khung hình)</p>	<p>Điều chỉnh tỷ lệ khung hình sang Wide 16:9 (Rộng 16:9), Auto Resize (Chỉnh kích thước tự động), 4:3 hoặc 5:4.</p>
	<p>Sharpness (Độ sắc nét)</p>	<p>Tính năng này có thể giúp hình ảnh trông sắc nét hoặc mềm mại hơn. Sử dụng  hoặc  để điều chỉnh độ sắc nét từ 0 - 100.</p>
	<p>Dynamic Contrast (Độ tương phản động)</p>	<p>Cho phép bạn tăng độ tương phản để mang lại chất lượng hình ảnh sắc nét và chi tiết hơn.</p> <p>Nhấn nút  để chuyển dynamic contrast (độ tương phản động) sang bật hoặc tắt.</p> <p>LƯU Ý: Dynamic Contrast (Độ tương phản động) cung cấp độ tương phản cao hơn nếu bạn chọn chế độ cài sẵn Game (Trò chơi) hoặc Movie (Phim).</p>
	<p>Response Time (Thời gian hồi đáp)</p>	<p>Người dùng có thể chọn giữa Normal (Bình thường) hoặc Fast (Nhanh).</p>
	<p>Reset Display (Cài lại hiển thị)</p>	<p>Chọn tùy chọn này để phục hồi các cài đặt mặc định của màn hình.</p>



	<p>Audio (Âm thanh)</p>	
<p>Volume (Âm lượng)</p>	<p>Sử dụng các nút để chỉnh âm lượng. Tối thiểu là '0' (-). Tối đa là '100' (+).</p>	
<p>Speaker (Loa)</p>	<p>Để bật hoặc tắt chức năng loa.</p>	
<p>MaxxAudio</p>	<p>MaxxAudio là bộ công cụ tăng cường âm thanh cải tiến. Mục này là nhằm xác định thao tác dùng để bật/tắt MaxxAudio.</p>	
<p>Reset Audio (Cài lại âm thanh)</p>	<p>Chọn tùy chọn này để phục hồi các cài đặt âm thanh mặc định.</p>	



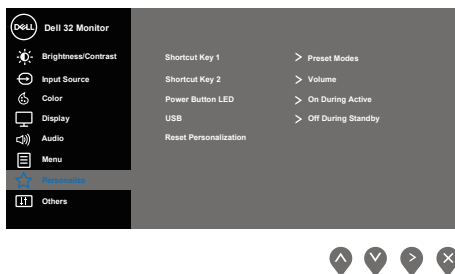
	<p>Menu</p>	<p>Chọn tùy chọn này để chỉnh các cài đặt của menu OSD chẳng hạn như ngôn ngữ menu OSD, thời lượng mà menu này tiếp tục hiển thị trên màn hình, v.v...</p> 
<p>Language (Ngôn ngữ)</p>	<p>Tùy chọn ngôn ngữ sẽ cài đặt màn hình OSD sang một trong tám ngôn ngữ (English, Spanish (tiếng Tây Ban Nha), French (tiếng Pháp), German (tiếng Đức), Brazilian Portuguese (tiếng Bồ Đào Nha Braxin), Russian (tiếng Nga), Simplified Chinese (tiếng Hoa giản thể hoặc Japanese (tiếng Nhật)).</p>	
<p>Transparency (Độ trong suốt)</p>	<p>Chọn tùy chọn này để thay đổi độ trong suốt menu bằng cách nhấn các nút  hoặc  từ 0 - 100.</p>	
<p>Timer (Hẹn giờ)</p>	<p>OSD hold time (Giờ giữ menu OSD): Cài thời lượng mà menu OSD sẽ vẫn hoạt động sau lần nhấn nút gần nhất của bạn.</p> <p>Sử dụng  hoặc  để điều chỉnh thanh trượt tăng 1 giây từ 5 đến 60 giây.</p>	
<p>Reset Menu (Cài lại menu)</p>	<p>Thiết lập lại mọi cài đặt OSD về giá trị mặc định gốc.</p>	





Personalize (Cá nhân hóa)

Người dùng có thể chọn một tính năng từ Shortcut key 1 (Phím tắt 1), Shortcut key 2 (Phím tắt 2), Power Button LED (Đèn LED nút nguồn) hoặc Reset Personalization (Cài lại cá nhân hóa), Preset Modes (Chế độ cài sẵn) hoặc Volume (Âm lượng) và cài nó làm phím tắt.



Shortcut Key 1 (Phím tắt 1)

Người dùng có thể chọn một trong các tùy chọn sau: Preset Modes (chế độ cài sẵn), Brightness/Contrast (độ sáng/độ tương phản), Input Source (nguồn đầu vào), Aspect Ratio (Tỷ lệ khung hình), Volume (Âm lượng) để cài làm shortcut key 1 (phím tắt 1).

Shortcut Key 2 (Phím tắt 2)

Người dùng có thể chọn một trong các tùy chọn sau: Preset Modes (chế độ cài sẵn), Brightness/Contrast (độ sáng/độ tương phản), Input Source (nguồn đầu vào), Aspect Ratio (Tỷ lệ khung hình), Volume (Âm lượng) để cài làm shortcut key 2 (phím tắt 2).

Power Button LED (Đèn LED nút nguồn)

Cho phép bạn cài đèn báo LED nguồn sang On During Active (Bật trong khi hoạt động) hoặc Off During Active (Tắt trong khi hoạt động) để tiết kiệm điện.


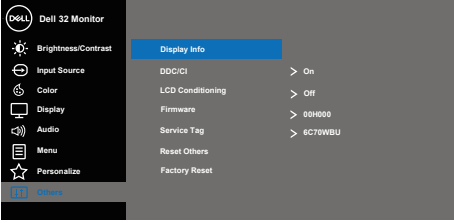




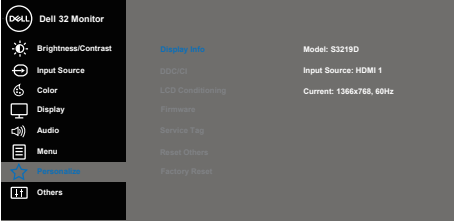




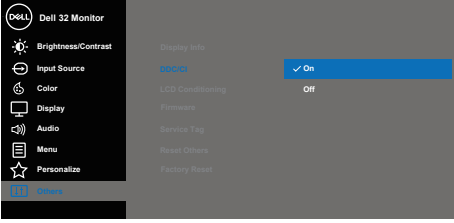




USB

Cho phép bạn cài USB sang On During Standby (Bật khi chờ) hoặc Off During Standby (Tắt khi chờ) để tiết kiệm năng lượng.

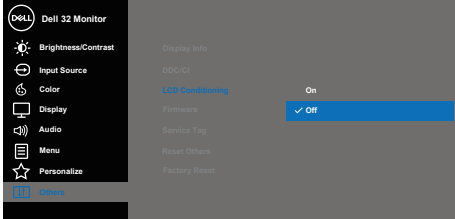
Reset Personalization (Cài lại cá nhân hóa)


Cho phép bạn phục hồi phím tắt về cài đặt mặc định.



	<p>Others (Khác)</p>	 <p style="text-align: right;">     </p>
	<p>Display Info (Hiện thị thông tin)</p>	<p>Nhấn để hiển thị thông tin về màn hình.</p>  <p style="text-align: right;">     </p>
	<p>DDC/CI</p>	<p>DDC/CI (kênh dữ liệu/giao diện lệnh màn hình) cho phép điều chỉnh các thông số kỹ thuật của màn hình (độ sáng, cân bằng màu sắc, v.v...) qua phần mềm trên PC.</p> <p>Bạn có thể tắt tính năng này bằng cách chọn Tắt.</p> <p>Bật tính năng này để có trải nghiệm người dùng tốt nhất và mang lại hiệu suất tối ưu cho màn hình của bạn.</p>  <p style="text-align: right;">     </p>



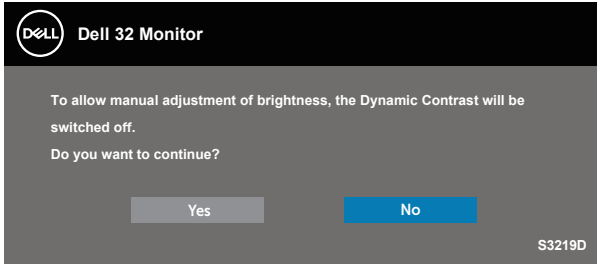
<p>LCD Conditioning (Điều tiết màn hình LCD)</p>	<p>Giúp giảm bớt các trường hợp lưu giữ ảnh không đáng kể. Tùy vào mức độ lưu giữ ảnh, chương trình có thể mất một lúc để khởi động. Để bật LCD conditioning (Điều tiết màn hình LCD), chọn Off (Tắt).</p>  <p>The screenshot shows the 'Dell 32 Monitor' OSD menu. The 'LCD Conditioning' option is highlighted in blue, and the 'Off' option is selected with a checkmark. Other menu items include Brightness/Contrast, Input Source, Color, Display, Audio, Menu, Personalize, and Others.</p>
<p>Firmware</p>	<p>Hiển thị phiên bản phần mềm về màn hình.</p>
<p>Service Tag (Thẻ dịch vụ)</p>	<p>Hiển thị số thẻ dịch vụ của màn hình.</p>
<p>Reset Other (Cài lại mục khác)</p>	<p>Thiết lập lại mọi cài đặt trong menu cài đặt Others (Khác) về giá trị mặc định gốc.</p>
<p>Factory Reset (Cài về mặc định gốc)</p>	<p>Thiết lập lại mọi cài đặt về giá trị mặc định gốc.</p>

 **LƯU Ý:** Màn hình của bạn tích hợp tính năng tự động chỉnh độ sáng để bù vào tình trạng lão hóa đèn LED.

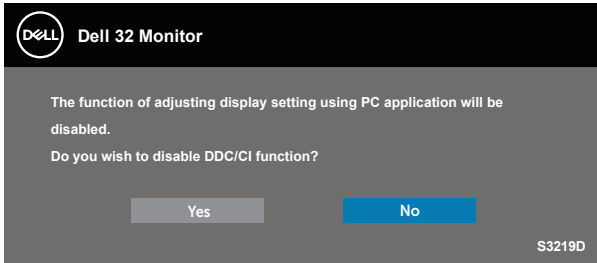


Thông tin cảnh báo OSD

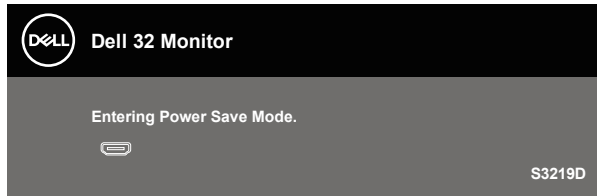
Khi đã bật tính năng **Dynamic Contrast (Độ tương phản động)** (trong các chế độ cài sẵn sau: **Game (Trò chơi)** hoặc **Movie (Phim)**), tùy chọn chỉnh độ sáng thủ công sẽ bị tắt.



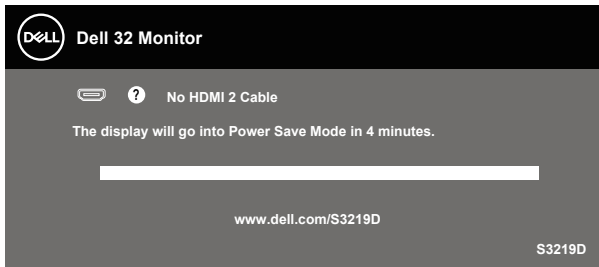
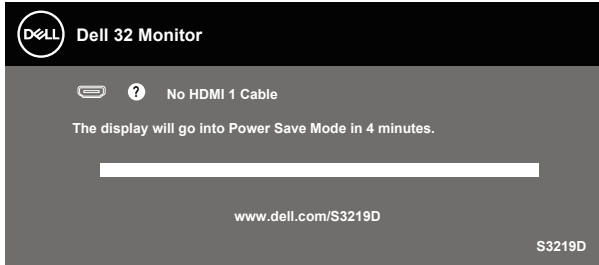
Thông tin sau sẽ hiển thị trước khi tắt chức năng **DDC/CI**:



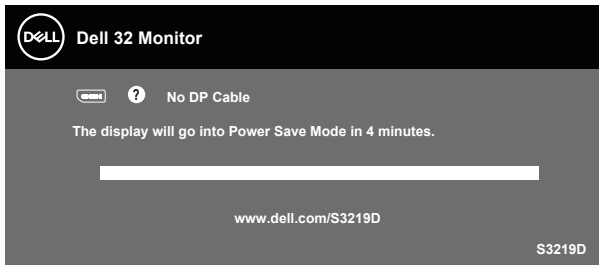
Khi màn hình vào Chế độ **tiết kiệm điện**, thông báo sau đây sẽ hiển thị:



Nếu chưa kết nối cáp HDMI, một hộp thoại nổi như hình minh họa dưới đây sẽ xuất hiện. Màn hình sẽ vào Chế độ tiết kiệm điện sau 4 phút nếu vẫn còn nằm ở trạng thái này.



Nếu chưa kết nối cáp DP, một hộp thoại nổi như hình minh họa dưới đây sẽ xuất hiện. Màn hình sẽ vào Chế độ tiết kiệm điện sau 4 phút nếu vẫn còn nằm ở trạng thái này.



Xem [Khắc phục sự cố](#) để biết thêm thông tin.



Thiết lập màn hình của bạn

Cài đặt độ phân giải tối đa

Để cài đặt độ phân giải tối đa cho màn hình:

Trên Windows 7, Windows 8, Windows 8.1 và Windows 10:

1. Đối với Windows 8 hoặc Windows 8.1, chọn biểu tượng Màn hình nền để chuyển sang màn hình nền cổ điển.
2. Nhấp phải vào màn hình nền và nhấp **Screen Resolution (Độ phân giải màn hình)**.
3. Nhấp danh sách Độ phân giải sổ xuống và chọn **2560 x 1440**.
4. Nhấp **OK**.

Nếu không nhìn thấy **2560 x 1440** dưới dạng tùy chọn, bạn có thể cần cập nhật driver cho card đồ họa. Tùy vào máy tính của bạn, hãy hoàn tất một trong các quy trình sau:

Nếu bạn có máy tính để bàn hoặc máy tính xách tay Dell:


- Truy cập www.dell.com/support, nhập Thẻ dịch vụ của máy tính và tải về driver mới nhất cho card đồ họa của bạn.

Nếu bạn đang sử dụng máy tính không phải của Dell (máy tính xách tay hoặc máy tính để bàn):

- Truy cập trang web hỗ trợ dành cho máy tính của bạn và tải về các driver đồ họa mới nhất.
- Truy cập trang web card đồ họa của bạn và tải về các driver đồ họa mới nhất.

Nếu bạn sử dụng máy tính để bàn hoặc máy tính xách tay Dell có kết nối internet

1. Truy cập www.dell.com/support, nhập các chữ hoa đầu tên bạn và tải về driver mới nhất cho card đồ họa.
2. Sau khi cài đặt các driver cho card đồ họa, thử cài lại độ phân giải sang mức **2560 x 1440**.

 **LƯU Ý:** Nếu bạn không thể cài độ phân giải sang **2560 x 1440**, vui lòng liên hệ với Dell để hỏi thông tin về card đồ họa hỗ trợ các độ phân giải này.



Nếu bạn có máy tính để bàn, máy tính xách tay hoặc card đồ họa không phải của Dell

Trên Windows 7, Windows 8, Windows 8.1 và Windows 10:

1. Đối với Windows 8 hoặc Windows 8.1, chọn biểu tượng Màn hình nền để chuyển sang màn hình nền cổ điển.
2. Nhấp chuột phải lên màn hình nền và nhấp **Personalization (Cá nhân hóa)**.
3. Nhấp **Change Display Settings (Đổi cài đặt màn hình)**.
4. Nhấp **Advanced Settings (Cài đặt nâng cao)**.
5. Xác định nhà cung cấp bộ điều khiển đồ họa của bạn từ nội dung mô tả ở đầu cửa sổ (ví dụ: NVIDIA, ATI, Intel, v.v...).
6. Tham khảo trang web nhà cung cấp card đồ họa để cập nhật driver (ví dụ: www.ATI.com hoặc www.AMD.com).
7. Sau khi cài đặt các driver cho card đồ họa, thử cài lại độ phân giải sang mức **2560 x 1440**.



Sử dụng độ nghiêng

 **LƯU Ý:** Giá đỡ được tháo ra khi vận chuyển màn hình từ nhà máy.



Khắc phục sự cố

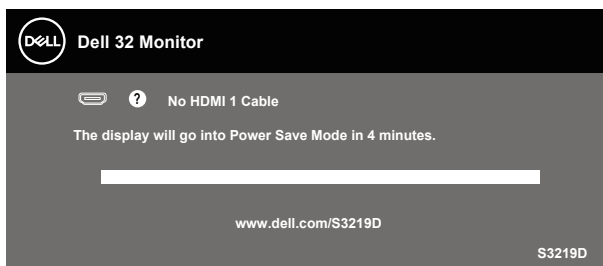
⚠ CẢNH BÁO: Trước khi bạn bắt đầu bất cứ quy trình nào trong phần này, hãy làm theo **Hướng dẫn an toàn**.

Tự kiểm tra

Màn hình cung cấp tính năng tự kiểm tra cho phép bạn kiểm tra xem màn hình có đang hoạt động thích hợp hay không. Nếu màn hình và máy tính của bạn được kết nối đúng cách nhưng màn hình vẫn tối, hãy chạy tùy chọn tự kiểm tra màn hình bằng cách thực hiện theo các bước sau:

1. Tắt máy tính lẫn màn hình.
2. Rút mọi loại cáp video ra khỏi màn hình. Theo cách này, máy tính sẽ không có sự kết nối liên quan.
3. Bật màn hình.

Nếu màn hình đang hoạt động thích hợp thì phát hiện không có tín hiệu và thông báo sau đây sẽ hiển thị. Khi ở chế độ tự kiểm tra, đèn LED nguồn sẽ vẫn có màu trắng.



✍ LƯU Ý: Hộp thoại này cũng hiển thị trong khi sử dụng hệ thống bình thường, nếu cáp video bị rút ra hoặc bị hỏng.

4. Tắt màn hình và cắm lại cáp video; sau đó bật cả máy tính và màn hình của bạn.

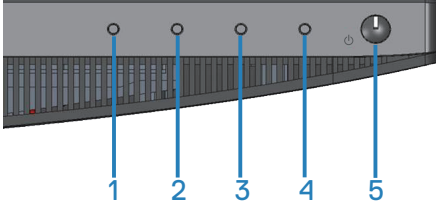
Nếu màn hình vẫn còn đen sau khi bạn cắm lại các loại cáp, hãy kiểm tra bộ điều khiển video và máy tính.



Chẩn đoán tích hợp

Màn hình của bạn tích hợp hệ chẩn đoán giúp bạn xác định xem mọi bất thường màn hình gặp phải có phải là sự cố thường gặp của màn hình, hoặc máy tính và card video hay không.

LƯU Ý: Bạn chỉ có thể chạy công cụ chẩn đoán tích hợp khi đã rút cáp video và màn hình đang ở chế độ tự kiểm tra.



Để chạy chế độ chẩn đoán tích hợp:

1. Đảm bảo màn hình sạch sẽ (không có các hạt bụi trên bề mặt màn hình).
2. Rút (các) cáp video khỏi mặt sau máy tính hoặc màn hình. Màn hình lúc này chuyển sang chế độ tự kiểm tra.
3. Nhấn và giữ nút 1 trong 5 giây. Màn hình màu xám sẽ hiển thị.
4. Kiểm tra kỹ màn hình để phát hiện các bất thường.
5. Nhấn lại Nút 1 ở phía dưới màn hình. Màn hình sẽ chuyển sang màu đỏ.
6. Kiểm tra màn hình để phát hiện bất kỳ bất thường nào.
7. Lặp lại bước 5 và 6 để kiểm tra nội dung hiển thị trong các màn hình màu lục, lam, đen, trắng và văn bản.

Quy trình kiểm tra sẽ hoàn tất khi màn hình văn bản hiển thị. Để thoát, nhấn lại Nút 1.

Nếu không phát hiện bất cứ bất thường nào đối với màn hình sau khi sử dụng công cụ chẩn đoán tích hợp thì màn hình đang hoạt động đúng cách. Kiểm tra card video và máy tính.



Các sự cố thường gặp

Bảng sau đây cung cấp thông tin chung về các sự cố màn hình thường gặp mà bạn có thể gặp phải và các giải pháp khả thi:

Triệu chứng thường gặp	Giải pháp khả thi
Không có đèn LED video/Đèn LED nguồn tắt	<ul style="list-style-type: none">• Đảm bảo cáp video đang kết nối với màn hình, và máy tính được kết nối đúng cách và an toàn.• Kiểm tra xem ổ cắm điện có đang hoạt động đúng cách với bất kỳ thiết bị điện nào khác hay không.• Đảm bảo đã nhấn nút nguồn.• Đảm bảo chọn đúng nguồn vào qua menu Input Source (Nguồn vào).
Không có đèn LED video/Đèn LED nguồn bật	<ul style="list-style-type: none">• Tăng các nút chỉnh độ sáng và độ tương phản qua menu OSD.• Thực hiện kiểm tra bằng tính năng tự kiểm tra.• Kiểm tra xem chân cắm có bị cong hoặc gãy trong đầu cắm cáp video hay không.• Chạy công cụ chẩn đoán tích hợp.• Đảm bảo chọn đúng nguồn vào qua menu Input Source (Nguồn vào).
Lấy nét kém	<ul style="list-style-type: none">• Rút cáp mở rộng video.• Cài màn hình về Cài đặt mặc định gốc (Factory Reset (Cài lại về giá trị gốc)).• Đổi độ phân giải video sang tỷ lệ khung hình thích hợp.
Video rung/chập chờn	<ul style="list-style-type: none">• Cài màn hình về Cài đặt mặc định gốc (Factory Reset (Cài lại về giá trị gốc)).• Kiểm tra các yếu tố môi trường.• Di chuyển màn hình sang vị trí khác và thử ở một phòng khác.
Thiếu điểm ảnh	<ul style="list-style-type: none">• Chu kỳ bật/tắt nguồn.• Điểm ảnh tắt vĩnh viễn là lỗi tự nhiên có thể xảy ra trong công nghệ màn hình LCD.• Để biết thêm thông tin về Chính sách chất lượng và điểm ảnh màn hình Dell, hãy xem trang Hỗ trợ của Dell tại: www.dell.com/support/monitors.



Điểm ảnh bị dính	<ul style="list-style-type: none"> • Chu kỳ bật/tắt nguồn. • Điểm ảnh tắt vĩnh viễn là lỗi tự nhiên có thể xảy ra trong công nghệ màn hình LCD. • Để biết thêm thông tin về Chính sách chất lượng và điểm ảnh màn hình Dell, hãy xem trang Hỗ trợ của Dell tại: www.dell.com/support/monitors.
Sự cố độ sáng	<ul style="list-style-type: none"> • Cài màn hình về Cài đặt mặc định gốc (Factory Reset (Cài lại về giá trị gốc)). • Chỉnh các mức độ sáng & độ tương phản qua menu OSD.
Méo hình	<ul style="list-style-type: none"> • Cài màn hình về Cài đặt mặc định gốc (Factory Reset (Cài lại về giá trị gốc)). • Chỉnh các nút điều khiển ngang & dọc qua menu OSD.
Đường ngang/dọc	<ul style="list-style-type: none"> • Cài màn hình về Cài đặt mặc định gốc (Factory Reset (Cài lại về giá trị gốc)). • Thực hiện kiểm tra bằng tính năng tự kiểm tra màn hình và xác định xem các đường này có ở chế độ tự kiểm tra hay không. • Kiểm tra xem chân cắm có bị cong hoặc gãy trong đầu cắm cáp video hay không. • Chạy công cụ chẩn đoán tích hợp.
Sự cố đồng bộ hóa	<ul style="list-style-type: none"> • Cài màn hình về Cài đặt mặc định gốc (Factory Reset (Cài lại về giá trị gốc)). • Thực hiện kiểm tra bằng tính năng tự kiểm tra màn hình để xác định xem màn hình chồng lấp có hiển thị ở chế độ tự kiểm tra hay không. • Kiểm tra xem chân cắm có bị cong hoặc gãy trong đầu cắm cáp video hay không. • Khởi động lại máy tính ở chế độ an toàn.
Sự cố liên quan đến an toàn	<ul style="list-style-type: none"> • Không thực hiện bất kỳ bước khắc phục sự cố nào. • Liên hệ ngay với Dell.



Sự cố gián đoạn	<ul style="list-style-type: none"> • Đảm bảo cáp video kết nối màn hình với máy tính được kết nối đúng cách và an toàn. • Cài màn hình về Cài đặt mặc định gốc (Factory Reset (Cài lại về giá trị gốc)). • Thực hiện kiểm tra bằng tính năng tự kiểm tra màn hình để xác định xem sự cố gián đoạn có xuất hiện ở chế độ tự kiểm tra hay không.
Thiếu màu sắc	<ul style="list-style-type: none"> • Thực hiện kiểm tra bằng tính năng tự kiểm tra. • Đảm bảo cáp video kết nối màn hình với máy tính được kết nối đúng cách và an toàn. • Kiểm tra xem chân cắm có bị cong hoặc gãy trong đầu cắm cáp video hay không.
Màu sắc không đúng	<ul style="list-style-type: none"> • Đổi Color Setting Mode (Chế độ cài đặt màu) trong menu OSD Color Settings (Cài đặt màu) sang Graphics (Ảnh đồ họa) hoặc Video tùy vào ứng dụng. • Thử các Preset Modes (Chế độ cài sẵn) trong menu OSD Cài đặt Color (màu). Chỉnh giá trị R/G/B (Đỏ/Lục/Lam) trong Custom Color (Màu tùy chỉnh) trong menu OSD Cài đặt Color (màu). • Đổi Input Color Format (Định dạng màu đầu vào) sang RGB hoặc YPbPr trong menu OSD Cài đặt Color (màu). • Chạy công cụ chẩn đoán tích hợp.
Lỗi giữ ảnh từ ảnh tĩnh vẫn còn lưu giữ trên màn hình trong một thời gian dài	<ul style="list-style-type: none"> • Sử dụng tính năng Power Management (Quản lý nguồn) để tắt màn hình vào bất cứ lúc nào không sử dụng (để biết thêm thông tin, xem Chế độ quản lý nguồn). • Ngoài ra, cũng có thể sử dụng chức năng bảo vệ màn hình thay đổi tự động.
Bóng mờ hoặc phủ quá rộng video	<ul style="list-style-type: none"> • Đổi Response Time (Thời gian hồi đáp) trong menu OSD Display (Hiển thị) sang Fast (Nhanh) hoặc Normal (Thường) tùy vào ứng dụng và cách sử dụng của bạn.



Sự cố liên quan đến sản phẩm

Triệu chứng cụ thể	Giải pháp khả thi
Ảnh màn hình quá nhỏ	<ul style="list-style-type: none">• Kiểm tra cài đặt Aspect Ratio (Tỷ lệ khung hình) trong menu OSD Cài đặt Display (Hiển thị).• Cài màn hình về Cài đặt mặc định gốc (Factory Reset (Cài lại về giá trị gốc)).
Không thể điều chỉnh màn hình bằng các nút phía dưới.	<ul style="list-style-type: none">• Tắt màn hình, rút dây nguồn, cắm lại rồi bật lại màn hình.• Kiểm tra xem menu OSD có bị khóa hay không. Nếu có, nhấn và giữ nút menu trong 10 giây để mở khóa. (Để biết thêm chi tiết, xem Khóa).
Không có tín hiệu đầu vào khi nhấn các nút điều khiển người dùng	<ul style="list-style-type: none">• Kiểm tra nguồn tín hiệu. Đảm bảo máy tính không ở chế độ chờ hoặc không hoạt động bằng cách di chuyển chuột hoặc nhấn bất kỳ phím nào trên bàn phím.• Kiểm tra xem cáp video có được cắm thích hợp hay không. Ngắt và kết nối lại cáp video nếu cần.• Khởi động lại máy tính hoặc đầu phát video.
Ảnh không hiển thị toàn màn hình	<ul style="list-style-type: none">• Do các định dạng video khác nhau (tỷ lệ khung hình) của các đĩa DVD, màn hình có thể hiển thị trên toàn màn hình.• Chạy công cụ chẩn đoán tích hợp.



Phụ lục

Hướng dẫn an toàn

⚠ CẢNH BÁO: Sử dụng các nút điều khiển, điều chỉnh hoặc các quy trình khác ngoài các quy trình được nêu rõ trong tài liệu này có thể khiến người dùng dễ bị điện giật, gặp các rủi ro về điện và/hoặc cơ học.

Để biết thông tin về hướng dẫn an toàn, xem **Thông tin về an toàn, môi trường và quy định (SERI)**.

Thông báo FCC (chỉ áp dụng ở Mỹ) và thông tin quy định khác

Để có các thông báo FCC và thông tin quy định khác, hãy vào trang web tuân thủ quy định tại www.dell.com/regulatory_compliance.

Liên hệ với Dell

Đối với các khách hàng ở Mỹ, hãy gọi số 800-WWW-DELL (800-999-3355).

📝 LƯU Ý: Nếu không có kết nối Internet hoạt động, bạn có thể tìm thấy thông tin liên lạc trên hóa đơn mua hàng, danh sách đóng gói, hóa đơn hoặc danh mục sản phẩm Dell của mình.

Dell cung cấp nhiều tùy chọn dịch vụ và hỗ trợ qua mạng và qua điện thoại. Khả năng có sẵn dịch vụ khác nhau ở mỗi quốc gia và sản phẩm, một số dịch vụ có thể không có sẵn tại khu vực của bạn.

Để tải nội dung hỗ trợ màn hình trực tuyến:

1. Truy cập www.dell.com/support/monitors.

Để liên hệ với Dell về vấn đề bán hàng, hỗ trợ kỹ thuật hoặc dịch vụ khách hàng:

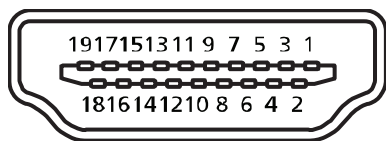
1. Truy cập www.dell.com/support.
2. Xác nhận quốc gia hoặc khu vực của bạn trong danh sách **Choose A Country/Region (Chọn quốc gia/khu vực)** số xuống ở cuối trang.
3. Nhấp **Contact Us (Liên hệ)** ở bên trái trang web.
4. Chọn liên kết hỗ trợ hoặc dịch vụ phù hợp theo nhu cầu của bạn.
5. Chọn cách liên hệ với Dell mà tiện lợi cho bạn.

⚠ CẢNH BÁO: Đối với màn hình có mặt vát bóng láng, người dùng nên cân nhắc đến việc lắp đặt màn hình vì mặt vát có thể gây ra phản ứng nhiễu loạn từ các bề mặt sáng và ánh sáng xung quanh.



Cách gán chấu cắm

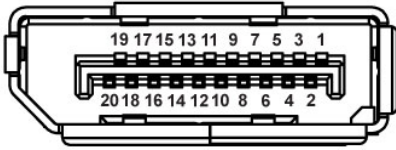
Đầu cắm HDMI



Số chân cắm	Cạnh màn hình có cáp tín hiệu bên cạnh 19 chân cắm
1	TMDS Data2+
2	TMDS Data2 Shield
3	TMDS Data2-
4	TMDS Data1+
5	TMDS Data1 Shield
6	TMDS Data1-
7	TMDS Data0+
8	TMDS Data0 Shield
9	TMDS Data0-
10	TMDS Clock+
11	TMDS Clock Shield
12	TMDS Clock-
13	CEC
14	Dành riêng (N.C. trên thiết bị)
15	SCL
16	SDA
17	Tiếp đất DDC/CEC
18	Nguồn điện +5V
19	Phát hiện cắm nóng



Cổng cắm DP



Số chân cắm	Mặt 20 chân cắm của cáp tín hiệu vừa kết nối
1	ML0 (p)
2	Nối đất
3	ML0 (n)
4	ML1 (p)
5	Nối đất
6	ML1 (n)
7	ML2 (p)
8	Nối đất
9	ML2 (n)
10	ML3 (p)
11	Nối đất
12	ML3 (n)
13	Nối đất
14	Nối đất
15	AUX (p)
16	Nối đất
17	AUX (n)
18	Nối đất
19	Re-PWR (Bật lại nguồn)
20	+3,3 V DP_PWR



Giao diện Buýt nối tiếp đa năng (USB)

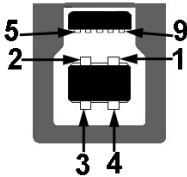
Phần này cung cấp cho bạn thông tin về các cổng USB có sẵn trên màn hình.

LƯU Ý: Màn hình này tương thích với USB 3.0 siêu tốc và USB 2.0 tốc độ cao.

Tốc độ truyền	Tốc độ dữ liệu	Mức tiêu thụ điện*
Siêu tốc	5 Gb/giây	4,5 W (Tối đa cho mỗi cổng)
Tốc độ cao	480 Mb/giây	4,5 W (Tối đa cho mỗi cổng)
Tốc độ tối đa	12 Mb/giây	4,5 W (Tối đa cho mỗi cổng)

Tốc độ truyền	Tốc độ dữ liệu	Mức tiêu thụ điện*
Tốc độ cao	480 Mb/giây	2,5 W (Tối đa cho mỗi cổng)
Tốc độ tối đa	12 Mb/giây	2,5 W (Tối đa cho mỗi cổng)
Tốc độ thấp	1,5 Mb/giây	2,5 W (Tối đa cho mỗi cổng)

Cổng cắm USB 3.0 ngược dòng



Số chân cắm	Phía đầu cắm 9 chấu
1	VCC
2	D-
3	D+
4	Nối đất
5	SSTX-
6	SSTX+
7	Nối đất
8	SSRX-
9	SSRX+



Cổng cắm xuôi dòng USB 3.0



Số chân cắm	Phía đầu cắm 9 chấu
1	VCC
2	D-
3	D+
4	Nối đất
5	SSRX-
6	SSRX+
7	Nối đất
8	SSTX-
9	SSTX+

